

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH CÀ MAU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 51/2022/DS-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Quốc Văn

Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Kim, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022, về việc “tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: 1/ Bà Mai Ngọc D (vắng mặt)

2/ Ông Trần Văn Đ (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Từ năm 2017 đến năm 2018 bà Lê Thị Đ có mở hội, trong đó vợ chồng ông Trần Văn Đ và bà Mai Ngọc D tham gia chơi với các dây hội cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất mở ngày 10/5/2017, loại hội 1.000.000 đồng, có 31 chân, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 10 hàng tháng, bà D và ông Đ tham gia 01 chân đóng được 08 lần thì bà D và ông Đ hốt hội, sau khi hốt hội bà D và ông Đ đã đóng hội chết đến lần thứ 28 thì ngưng đóng. Hiện dây hội này bà D và ông Đ còn 03 lần hội chết với số tiền 3.000.000 đồng.

- Dây thứ hai mở ngày 05/6/2017, loại hội 500.000 đồng, có 42 chân, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 05 hàng tháng, giao hội vào ngày 15 hàng tháng, bà D và ông Đ tham gia 01 chân, hốt hội ở lần thứ 4, sau khi hốt hội bà D và ông Đ đã đóng hội chết đến lần thứ 27 thì ngưng. Hiện dây hội này bà D và ông Đ còn nợ 15 lần hội chết với số tiền 7.500.000 đồng.

- Dây thứ ba mở ngày 10/7/2017, loại hội 1.000.000 đồng, có 31 chân, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 10, giao hội vào ngày 20 hàng tháng, bà D ông Đ tham gia 01 chân, hốt hội ở lần thứ 5, sau khi hốt hội bà D và ông Đ đã đóng hội chết đến lần thứ 27 thì ngưng đóng. Hiện dây hội này bà D và ông Đ còn nợ 04 lần hội chết với số tiền 4.000.000 đồng.

- Dây thứ tư mở ngày 20/12/2017, loại hội 500.000 đồng, có 41 chân, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 20, giao hội vào ngày 30, bà D và ông Đ tham gia 02 chân, hốt hội tại kì thứ 3 và kì thứ 6, ông Đ và bà D đóng hội đến lần thứ 20 thì ngưng đóng. Hiện dây hội này bà D và ông Đ còn nợ 21 lần hội chết của 02 chân với số tiền 21.000.000 đồng.

- Dây thứ năm mở ngày 20/12/2017, loại hội 1.000.000 đồng, có 31 chân, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 20, giao hội vào ngày 30, bà D và ông Đ tham gia 01 chân và hốt hội lần thứ 10, sau khi hốt hội bà D và ông Đ đã đóng hội chết đến lần thứ 20 thì ngưng đóng. Hiện dây hội này bà D và ông Đ còn nợ 11 lần hội chết với số tiền 11.000.000 đồng.

- Dây thứ sáu mở ngày 25/02/2018, loại hội 500.000 đồng, có 42 chân, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 25, giao hội vào ngày 05 tháng liền kề, bà D và ông Đ tham gia 01 chân, hốt hội ở lần thứ 6, sau khi hốt hội bà D và ông Đ đã đóng hội chết đến lần thứ 18 thì ngưng đóng. Hiện dây hội này bà D và ông Đ còn nợ 24 lần hội chết của 02 chân với số tiền 12.000.000 đồng.

- Dây thứ bảy mở ngày 05/5/2018, loại hội 1.000.000 đồng, có 30 chân, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 05, giao hội vào ngày 15, bà D và ông Đ tham gia 01

chân và hốt hụi tại lần thứ 2, sau khi hốt hụi bà D và ông Đ đã đóng hụi chết đến lần thứ 15 thì ngưng đóng. Hiện đây hụi này bà D và ông Đ còn nợ 15 lần hụi chết với số tiền 15.000.000 đồng.

- Dây thứ tám mở ngày 15/7/2018, loại hụi 1.000.000 đồng, có 30 chân, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 15, giao hụi vào ngày 25, bà D và ông Đ tham gia 01 chân, hốt hụi đến kì thứ 7, sau khi hốt hụi bà D và ông Đ đóng hụi chết đến lần thứ 13 thì ngưng. Hiện đây hụi này bà D và ông Đ còn nợ 17 lần hụi chết với số tiền 17.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà D và ông Đ nợ hụi chết của bà Đ là 90.500.000 đồng.

Ngoài các dây hụi chết nêu trên bà D và ông Đ còn có hụi sống số tiền 19.000.000 đồng. Sau khi đối trừ, bà D và ông Đ nợ bà Diệu hụi chết 71.500.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải của UBND xã TL, bà D, ông Đ thanh toán thêm cho bà Đ 12.500.000 đồng, vợ chồng bà D, ông Đ còn nợ tiền hụi chết của bà Đ 59.000.000 đồng (*năm mươi chín triệu đồng*). Sau nhiều lần yêu cầu, ông Đ, bà D không thanh toán nợ hụi cho bà, sự việc kéo dài cho đến nay.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Đ yêu cầu bà Mai Ngọc D và ông Trần Văn Đ cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà tiền nợ hụi là 59.000.000 đồng (*năm mươi chín triệu đồng*).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bà Mai Ngọc D và ông Trần Văn Đ, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng bà D và ông Đ không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ, không tham gia hòa giải và xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự; về nội dung vụ án bà Lê Thị Đ khởi kiện ông Trần Văn Đ và bà Mai Ngọc D yêu cầu thanh toán nợ hụi 59.000.000 đồng, xét thấy các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án xác định yêu cầu của bà Đ là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ, các vấn đề về lãi suất chậm trả, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Mai Ngọc D và ông Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lí do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 227 của

Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Mai Ngọc D và ông Trần Văn Đ.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của nguyên đơn là bà Lê Thị Đ và bị đơn là bà Mai Ngọc D và ông Trần Văn Đ thuộc lĩnh vực dân sự, tranh chấp góp hội; bà Ngọc Diễm và ông Đ là bị đơn có địa chỉ cư trú tại Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với bà Mai Ngọc D và ông Trần Văn Đ là vợ chồng còn trong thời kỳ hôn nhân, đã tham gia chơi hội của bà Đ làm chủ từ năm 2017 đến năm 2018 nên khi nợ hội thì phải có nghĩa vụ trả nợ. Bà Đ cho rằng khi giao tiền hội và gom hội tại nhà có mặt cả hai vợ chồng bà D và ông Đ (một thời gian dài không ai có ý kiến gì); dùng tiền hốt hội để trang trải các khoản nợ khác và sinh hoạt trong gia đình. Nên bà Đ khởi kiện yêu cầu cả hai vợ chồng cùng có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp.

[4] Về nội dung vụ án: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hội. Bà Đ là chủ hội còn bà D và ông Đ là hội viên đã tham gia nhiều dây hội khác nhau (theo bản kê). Quá trình tham gia hội bà D và ông Đ đã hốt các chung hội đã tham gia và đóng hội chết. Đến khi bà D và ông Đ không còn khả năng đóng thì hai bên có gặp nhau để chốt nợ, bà D và ông Đ nợ tiền hội còn phải trả cho bà Đ là 59.000.000 đồng (có biên bản thỏa thuận tại Ủy ban nhân dân xã TL).

Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà D và ông Đ từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, bà D và ông Đ vắng mặt và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Do đó, căn cứ vào giấy giao nhận tiền hội viết tay của các bên và biên bản thỏa thuận nợ hội đã được Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình lập vào ngày 14/10/2019 để làm cơ sở giải quyết theo yêu cầu của bà Đ.

Theo giấy giao tiền hội của bà Đ với bà D và tại biên bản thỏa thuận nợ hội vào ngày 14/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình thể hiện bà Mai Ngọc D thừa nhận còn nợ hội của bà Đ số tiền 59.000.000 đồng, bà D xin trả dần hàng tháng số tiền 3.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện từ ngày lập biên bản thỏa thuận. Sau đó bà D và ông Đ trả được 12.000.000 đồng thì ngưng. Từ những chứng cứ nêu trên xác định bà D và ông Đ có nợ hội bà Đ nên bà D và ông Đ phải có nghĩa vụ thanh liên đới thanh toán cho bà Đ số tiền hội còn nợ 59.000.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Mai Ngọc D và ông Trần Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.950.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, họ, họ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ đối với bà Mai Ngọc D, ông Trần Văn Đ về việc thanh toán tiền nợ họ.

Buộc bà Mai Ngọc D và ông Trần Văn Đ có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Lê Thị Đ số tiền nợ họ 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng).

Kể từ khi có quyết định và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Bà Lê Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Mai Ngọc D và ông Trần Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.950.000 đồng (*hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*), bà D và ông Đ chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà D, ông Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Lan Anh

